

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2021/DS-ST

Ngày: 21 - 12 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Duyên Văn Hiền

Ông Nguyễn Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thúy O; Sinh năm 1960 (Có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thanh T; Sinh năm 1983 (Có mặt).

Cùng cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 31/5/2021, 05/7/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thúy O trình bày: Bà Trần Thúy O có cho bà Lê Thanh T vay tiền, các khoản cụ thể như sau:

- Ngày 13/11/2019 vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 đến 02 tháng, trả lãi hàng tháng, mỗi tháng 12.000.000 đồng tiền lãi. Bà T đóng được 04 tháng tiền lãi thì ngưng cho đến nay. Bà T chưa trả nợ gốc cho bà.

- Ngày 21/01/2020 vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến 02 tháng, trả lãi hàng tháng, mỗi tháng 2.400.000 đồng tiền lãi. Bà T đóng được 2,5 tháng tiền lãi thì ngưng cho đến nay. Bà T chưa trả nợ gốc cho bà.

- Ngày 01/7/2020 vay 20.000.000 đồng, thời hạn góp 48 ngày, hai bên thỏa thuận mỗi ngày góp 500.000 đồng, trong đó 420.000 đồng tiền gốc và 80.000 đồng tiền lãi. Bà T chưa góp được ngày nào cho bà (chưa trả gốc và lãi).

- Ngày 10/7/2020 vay 26.000.000 đồng, thời hạn góp 48 ngày, hai bên thỏa

thuận mỗi ngày góp 650.000 đồng, trong đó 546.000 đồng tiền gốc và 104.000 đồng tiền lãi. Bà T chưa góp được ngày nào cho bà (chưa trả gốc và lãi).

Đến nay bà T chưa trả nợ gốc cho bà. Nay bà yêu cầu bà T trả cho bà 166.000.000 đồng tiền gốc và tính lãi đối với khoản vay ngày 01/7/2020 số tiền 20.000.000 đồng và khoản vay ngày 10/7/2020 số tiền 26.000.000 đồng từ ngày 05/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất của Nhà nước là 1,66%/tháng. Bà không yêu cầu tính lãi đối với 02 khoản vay ngày 13/11/2019 số tiền 100.000.000 đồng, ngày 21/01/2020 số tiền 20.000.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 01/12/0021 và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thanh T trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền của bà Trần Thúy O, cụ thể như sau:

- Ngày 13/11/2019 vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 đến 02 tháng, trả lãi hàng tháng, mỗi tháng 14.000.000 đồng tiền lãi. Bà đóng được 07 tháng tiền lãi thì ngưng cho đến nay. Bà chưa trả nợ gốc cho bà O.

- Ngày 21/01/2020 vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến 02 tháng, trả lãi hàng tháng, mỗi tháng 2.400.000 đồng tiền lãi. Bà đóng được 06 tháng tiền lãi thì ngưng cho đến nay. Bà chưa trả nợ gốc cho bà O.

- Ngày 01/7/2020 vay 20.000.000 đồng, thời hạn góp 48 ngày, mỗi ngày góp 583.000 đồng, trong đó 500.000 đồng tiền gốc và 83.000 đồng tiền lãi, chứ không phải mỗi ngày góp 500.000 đồng như bà O trình bày. Bà chưa góp được ngày nào cho bà O (chưa trả gốc và lãi).

- Ngày 10/7/2020 vay 26.000.000 đồng, thời hạn góp 48 ngày, mỗi ngày góp 758.000 đồng, trong đó 650.000 đồng tiền gốc và 108.000 đồng tiền lãi, chứ không phải mỗi ngày góp 650.000 đồng như bà O trình bày. Bà chưa góp được ngày nào cho bà O (chưa trả gốc và lãi).

Bà thừa nhận đến nay vẫn chưa trả nợ gốc cho bà O số tiền 166.000.000 đồng. Nay do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên bà xin bà O phần tiền lãi, chỉ trả nợ gốc số tiền 166.000.000 đồng. Theo đó, mỗi tháng bà sẽ trả cho bà O từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, cho đến khi hết khoản nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thúy O đòi bị đơn bà Lê Thanh T trả nợ gốc số tiền 166.000.000 đồng; trả lãi đối với hai khoản vay ngày 01/7/2020 số tiền 20.000.000 đồng và khoản vay ngày 10/7/2020 số tiền 26.000.000 đồng, từ ngày 05/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 1,66%/tháng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Về nợ gốc: Tại phiên tòa bà T thừa nhận có vay của bà O số tiền 166.000.000 đồng, đến nay chưa trả. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy

định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc bà T đã vay của bà O 166.000.000 đồng là có thật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà O, buộc bà T trả cho bà O nợ gốc số tiền 166.000.000 đồng là có căn cứ.

[1.2] Về lãi đối với hai khoản vay ngày 01/7/2020 và ngày 10/7/2020: Tại phiên tòa bà O và bà T thống nhất xác định đôi bên có thỏa thuận việc trả lãi đối với hai khoản vay này, nhưng xác định mức lãi suất khác nhau.

Xét thấy, tại Biên bản hòa giải ngày 01/12/2021 bà O xác định: Khoản vay ngày 01/7/2020 số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn góp 48 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng tiền gốc và 83.000 đồng tiền lãi; khoản vay ngày 10/7/2020 số tiền 26.000.000 đồng, thời hạn góp 48 ngày, mỗi ngày góp 650.000 đồng tiền gốc và 108.000 đồng tiền lãi; mức lãi suất này được bà T thừa nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà O thay đổi lời khai, xác định mức lãi suất các bên thỏa thuận thấp hơn. Do lời khai của bà O về mức lãi suất các bên thỏa thuận là không thống nhất, việc thay đổi mức lãi suất không được bà T thừa nhận, nên không có cơ sở để chấp nhận. Theo đó, mức lãi suất đối các khoản vay được xác định như sau: Khoản vay ngày 01/7/2020 số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 83.000 đồng/ngày; khoản vay ngày 10/7/2020 số tiền 26.000.000 đồng, lãi suất 108.000 đồng/ngày.

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

Do mức lãi suất mà các đương sự thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn 20%/năm của khoản tiền vay nên khoản tiền lãi (từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm) được xác định lại như sau:

- Khoản vay ngày 01/7/2020 số tiền 20.000.000 đồng: $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 5.865.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số).
- Khoản vay ngày 10/7/2020 số tiền 26.000.000 đồng: $26.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} 11 \text{ ngày} = 7.495.500 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà O, buộc bà T trả lãi đối với hai khoản vay ngày 01/7/2020, 10/7/2020 tổng số tiền 13.360.500 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O, buộc bị đơn bà T trả cho bà O tổng số tiền 179.360.500 đồng, trong đó gốc là 166.000.000 đồng, lãi là 13.360.500 đồng.

[2] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 8.968.000 đồng (làm tròn số).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy O.

Buộc bà Lê Thanh T trả cho bà Trần Thúy O số tiền 179.360.500 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng).

1. Về án phí: Bà Lê Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 8.968.000 đồng (Tám triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng), chưa nộp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà

